

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (bao gồm số chuyển nguồn năm trước sang và số bổ sung, điều chỉnh trong năm)						Quyết toán										So sánh (%)							
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả lãi vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi chương trình MTQG			Hủy dự toán	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi chương trình MTQG		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1=2+...+6	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=10+...+14	10	11	12	13	14=15+16	15	16	17	18	19=9/1	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ	230.194,59	11.754,17	199.747,72	-	-	18.692,70	8.249,03	10.443,68	253.297,28	11.528,86	223.075,72	-	-	18.692,70	8.249,03	10.443,68	21.196,00	4.595,40	110,0	98,9	111,1	100,0	100,0	100,0
I	Các cơ quan, tổ chức	230.194,59	11.754,17	199.747,72	-	-	18.692,70	8.249,03	10.443,68	204.403,18	7.995,35	180.728,89	-	-	15.678,94	6.469,00	9.209,94	21.196,00	4.595,40	88,8	72,3	90,4	83,9	78,4	88,2
1	Văn phòng Đảng ủy	9.243,71		9.243,71	-		-			7.912,31		7.912,31	-	-	-			1,40	1.329,99	85,6		85,6			
2	Ủy ban MTTQVN	3.680,44		3.572,09			108,35		108,35	3.646,51		3.568,16			78,35		78,35	3,92	30,00	99,1		99,1	72,3		72,3
3	Văn phòng HĐND và UBND	9.688,72		9.688,72			-			8.508,75		8.508,75			-			394,99	784,98	87,8		87,8			
4	Phòng Kinh tế	85.194,49	11.754,17	55.584,96			17.855,35	8.249,03	9.606,33	67.494,71	7.995,35	44.141,02			15.358,34	6.469,00	8.889,34	15.736,09	1.963,69	79,2	72,3	81,3	86,0	78,4	92,5
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	45.793,07		45.127,07			666,00		666,00	40.926,76		40.747,51			179,25		179,25	4.379,56	486,75	89,4		89,4	26,9		26,9
6	Trung tâm phục vụ Hành chính công	1.527,17		1.527,17			-			1.523,82		1.523,82			-			3,35		99,8		99,8			
7	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	1.747,52		1.684,52			63,00		63,00	1.239,34		1.176,34			63,00		63,00	508,18		70,9		70,9	100,0		100,0
8	Trường MG Duy Trinh	4.293,17		4.293,17			-			4.292,38		4.292,38			-			0,78		100,0		100,0			
9	Trường MG Duy Trung	5.974,65		5.974,65			-			5.971,08		5.971,08			-			3,58		99,9		99,9			
10	Trường MG Duy Sơn	5.887,80		5.887,80			-			5.884,80		5.884,80			-			3,00		99,9		99,9			
11	Trường TH Duy Trinh	9.547,51		9.547,51			-			9.542,35		9.542,35			-			5,16		99,9		99,9			
12	Trường TH Duy Trung	9.743,02		9.743,02			-			9.676,85		9.676,85			-			66,17		99,3		99,3			
13	Trường TH Duy Sơn	10.271,82		10.271,82			-			10.266,81		10.266,81			-			5,01		100,0		100,0			
14	Trường THCS Phù Đồng	8.624,38		8.624,38			-			8.586,29		8.586,29			-			38,09		99,6		99,6			
15	Trường THCS Nguyễn Thành Hân	9.592,28		9.592,28			-			9.560,63		9.560,63			-			31,66		99,7		99,7			
16	Trường THCS Lương Thế Vinh	8.467,73		8.467,73			-			8.452,67		8.452,67			-			15,05		99,8		99,8			
17	Các đơn vị khác cấp bằng Lệnh chi tiền	917,12		917,12			-			917,12		917,12			-			-		100,0		100,0			
II	CHI TRẢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY																								
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH																								
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH																								
V	CHI TẠO NGUỒN CCTL																								
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI																								
VII	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN									339,30		339,30			-								-		
VIII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU									48.554,80	3.533,51	42.007,53			3.013,76	1.780,02	1.233,74								